

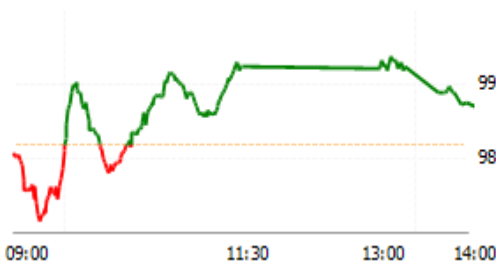
Dữ liệu thị trường ngày 22/02/2019

Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
-----------	----------	-----------

Chỉ số	988.91	106.82
Thay đổi (điểm)	1.34	0.70
Thay đổi (%)	0.14%	0.66%
KLGD (triệu ck)	215.63	36.93
GTGD (tỷ đồng)	4,974.09	533.88

NĐT nước ngoài giao dịch ròng

VN-Index	72.09	(tỷ đồng)
HNX-Index	8.80	(tỷ đồng)
UPCOM-Index	- 602.95	(tỷ đồng)

VN-Index

HNX-Index

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Chỉ số VNINDEX có một phiên giao dịch giằng co khi đứng trước mốc 990 điểm. Nhóm dầu khí và ngân hàng quay trở lại tham gia hỗ trợ thị trường, qua đó đóng cửa VNIndex tăng 1.34 điểm, đạt 988.91 điểm với dòng tiền lan tỏa tốt hơn phiên trước.
- Các cổ phiếu giúp thị trường tăng điểm nhiều nhất là VCB (+ 1.26 điểm), GAS (+ 0.79 điểm), CTG (+ 0.52 điểm), HPG (+ 0.51 điểm) và VRE (+ 0.37 điểm).
- Các cổ phiếu tác động chỉ số giảm điểm chiếm áp đảo gồm VHM (- 2.07 điểm), VIC (- 0.55 điểm), MSN (- 0.29 điểm), BID (- 0.16 điểm) và SAB (- 0.12 điểm).
- Giá trị giao dịch của VN-Index tăng mạnh. Đóng cửa VNIndex tăng 1.34 điểm, dòng tiền lan tỏa tốt hơn so với phiên trước, số mã tăng/giảm đạt 144/152.
- Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index đóng cửa đạt 988.91 điểm, khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên trước và HNX-Index đóng cửa đạt 106.82 điểm.
- Khối ngoại tiếp tục mua ròng trong phiên hôm, tuy nhiên giá trị mua ròng giảm mạnh so với phiên trước, đạt khoảng 72 tỷ đồng. Trên HNX giá trị mua ròng đạt 8.8 tỷ đồng, giảm mạnh so với phiên trước. *(thống kê giao dịch chi tiết tại trang 4).*

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG TÓM TẮT

Giao dịch “giằng co” thể hiện rất rõ hôm nay. Nhóm cổ phiếu dẫn dắt ở những phiên trước VHM, VIC quay đầu giảm. Trong khi đó, sự quay trở lại của nhóm ngân hàng và dầu khí đã giúp VNINDEX tiếp tục tăng điểm, vùng gap 973 - 990 đã được lấp.

Một vài thông tin vĩ mô đáng quan tâm và dự báo:

Cuộc họp cấp cao Mỹ - Trung bước vào ngày họp cuối cùng và đã đạt được nhiều điểm tích cực. Tuy nhiên, tâm lý của các nhà đầu tư cũng bắt đầu lo ngại khi 2 nền kinh tế lớn nhất thế giới đang bị “khóa” vào một cuộc chiến thương mại có thể dẫn đến sự giảm tốc của kinh tế toàn cầu. Giá dầu đóng cửa đêm qua có những biến động nhẹ và trái ngược nhau. Cụ thể, đà tăng của dầu WTI đã chững lại khi các báo cáo về tồn kho dầu thô của Mỹ liên tục tăng, nguyên nhân đến từ việc các nhà máy sản xuất dầu thô liên tục tăng sản lượng trong khi các nhà máy lọc dầu đang bảo trì, từ đó giá dầu thô chịu nhiều áp lực.

Kịch bản nào cho thị trường (Chi tiết nhận định và tham khảo đồ thị trang 2-3)

Giao dịch của VNINDEX diễn ra với kịch bản giằng co giữa nhóm VHM, VIC giảm trong khi nhóm ngân hàng và dầu khí quay trở lại tăng đã giúp thị trường tăng điểm. Khối ngoại hôm nay không còn mua ròng mạnh nhưng việc tập trung mua ròng ở HPG và VRE cũng góp phần hỗ trợ cho thị trường. Bên cạnh việc VNIndex chính thức lấp vùng gap 973 - 990 trong hôm nay, thanh khoản cũng tăng và dòng tiền lan tỏa ở mức tốt hơn. Chỉ báo RSI tuần hướng lên cho thấy xu hướng tăng của VNINDEX tiếp tục được duy trì, song, trong ngắn hạn đường RSI ngày nằm rất cao trên đường 70 cho thấy nhịp điều chỉnh trong những phiên tới có thể xảy ra với xác suất rất lớn.

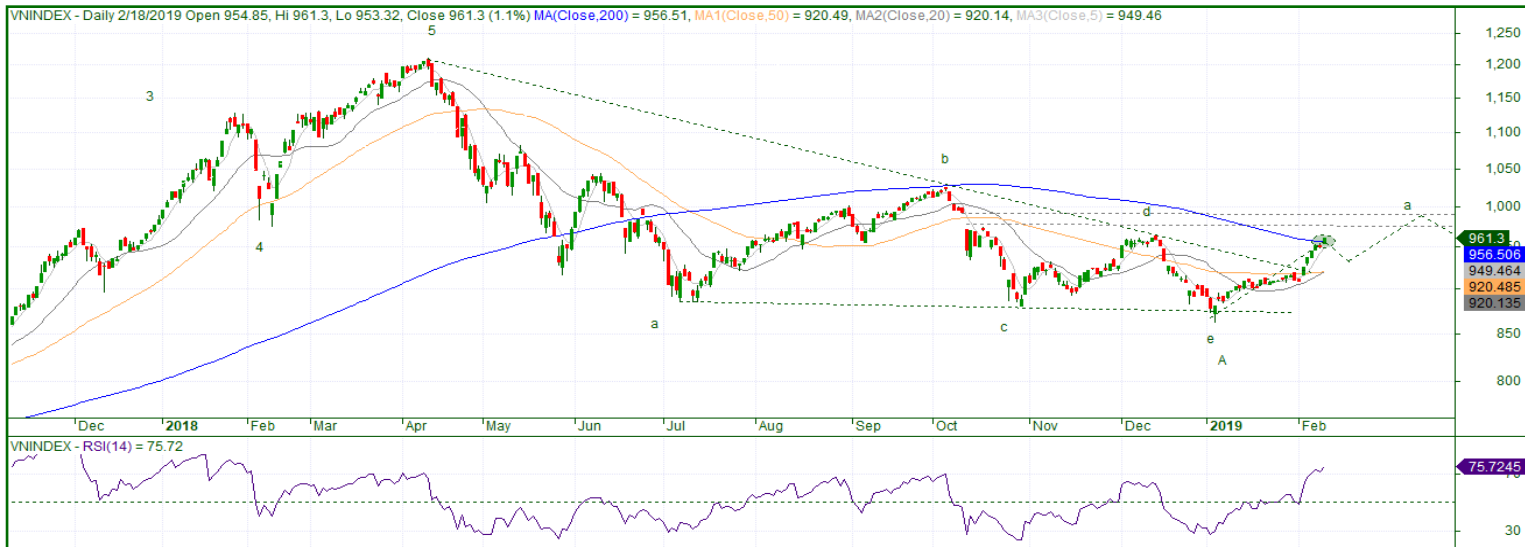
Hành động:

- NĐT có thể lướt sóng danh mục trong các nhịp giảm trong các phiên tới. Sau đó, NĐT có thể tăng tỷ trọng tại vùng 960.
- NĐT chấp nhận khả năng điều chỉnh sâu, cơ cấu lại danh mục về mức an toàn và chờ VNINDEX giảm về khoảng 950 sau đó tiến hành mua lại, để đón nhịp tăng mới. Giai đoạn này, nếu lướt sóng NĐT chú ý chia nhỏ lượng dự tính mua làm 3 phần, mua 3 ngày để tránh rủi ro cũng như tăng tính chủ động trong trường hợp thị trường xấu đi thì T+3 cổ phiếu đã về để sẵn sàng bán.

PHÒNG PHÂN TÍCH-ĐẦU TƯ

Địa chỉ: 468 Nguyễn Thị Minh Khai P2 Q3
TP Hồ Chí Minh
Tel: 84 28 38336333
Ext: 171

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Một vài thông tin vĩ mô đáng quan tâm và dự báo:

Cuộc họp cấp cao Mỹ - Trung bước vào ngày họp cuối cùng và đã đạt được nhiều điểm tích cực như: phát thảo 6 biên bản ghi nhớ về các vấn đề chuyển giao công nghệ ép buộc, tội phạm mạng, quyền sở hữu trí tuệ, dịch vụ, tiền tệ, nông nghiệp và hàng rào phi thuế quan thương mại; cùng với đó Trung Quốc cũng đề xuất mua thêm nông sản từ Mỹ với giá trị 30 tỷ USD/năm. Tuy nhiên, tâm lý của các nhà đầu tư cũng bắt đầu lo ngại khi 2 nền kinh tế lớn nhất thế giới đang bị “khóa” vào một cuộc chiến thương mại có thể dẫn đến sự giảm tốc của kinh tế toàn cầu.

Giá dầu đóng cửa đêm qua có những biến động nhẹ và trái ngược nhau. Cụ thể, đà tăng của dầu WTI đã chững lại khi các báo cáo về tồn kho dầu thô của Mỹ liên tục tăng, nguyên nhân đến từ việc các nhà máy sản xuất dầu thô liên tục tăng sản lượng trong khi các nhà máy lọc dầu đang bảo trì, từ đó giá dầu thô chịu nhiều áp lực. Ngược lại, dầu Brent gần như ổn định khi sự tuân thủ của nhóm OPEC+ trong việc siết cung dầu tiếp tục được giới đầu tư kì vọng. Đóng cửa giá dầu Brent đạt mức 67.07 USD/thùng (+0.02 USD/thùng), dầu WTI đạt 56.96 USD/thùng (giảm 0.28 USD/thùng).

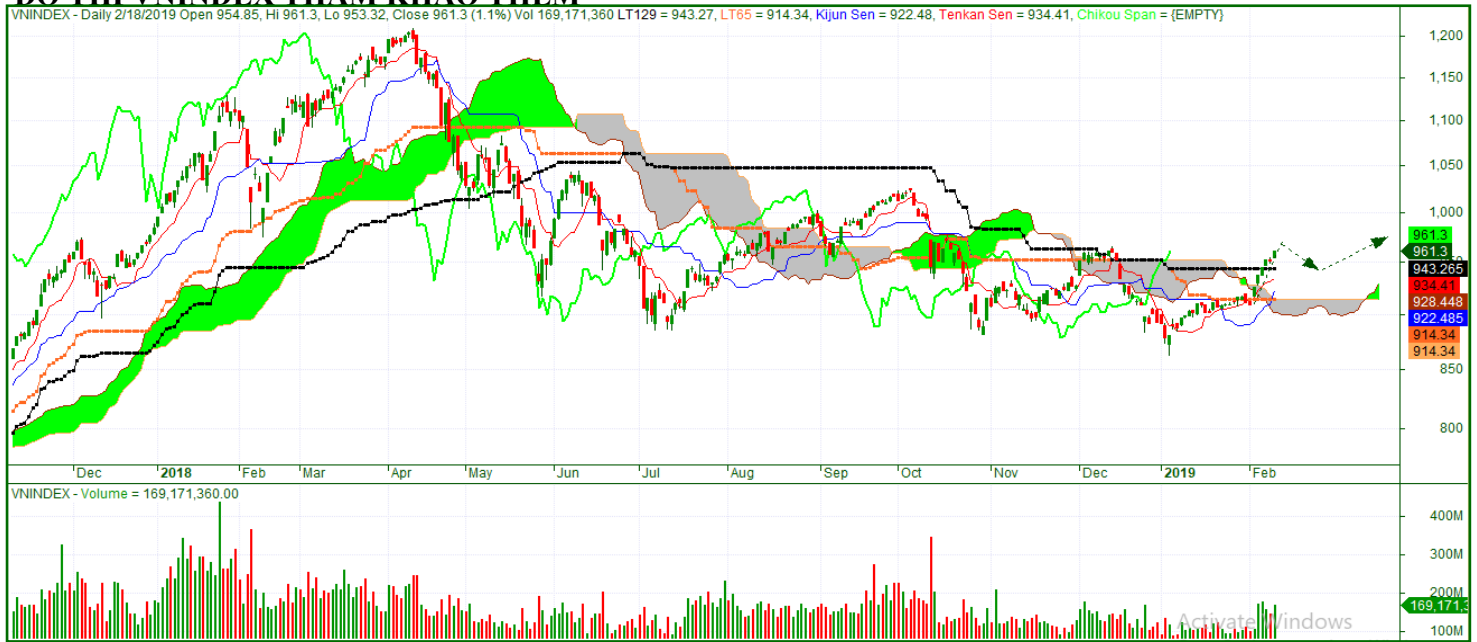
Kịch bản nào cho thị trường (tham khảo thêm đồ thị trang 3):

Giao dịch của VNINDEX diễn ra với kịch bản giằng co giữa nhóm VHM, VIC giảm trong khi nhóm ngân hàng và dầu khí quay trở lại tăng đã giúp thị trường tăng điểm. Khối ngoại hôm nay không còn mua ròng mạnh nhưng việc tập trung mua ròng ở HPG và VRE cũng góp phần hỗ trợ cho thị trường. Bên cạnh việc VNIndex chính thức lấp vùng gap 973 - 990 trong hôm nay, thanh khoản cũng tăng và dòng tiền lan tỏa ở mức tốt hơn. Chỉ báo RSI tuần hướng lên cho thấy xu hướng tăng của VNINDEX tiếp tục được duy trì, song, trong ngắn hạn đường RSI ngày nằm rất cao trên đường 70 cho thấy nhịp điều chỉnh trong những phiên tới có thể xảy ra với xác suất rất lớn.

Dự báo, hiện tại chart tuần cho thấy VNINDEX đã chạm MA50 và tiến sát đường Bollinger Band phía trên, do đó tuần tới giao dịch của thị trường sẽ biến động trong khoảng vùng 970 - 990 trước khi tiếp nối đà tăng trở lại, để tăng tiếp VNINDEX cần test lại vùng này và thanh khoản cao cần tiếp tục duy trì. Trong kịch bản xấu, khi xem xét trên biểu đồ tuần chúng tôi cho rằng VNINDEX có thể điều chỉnh về khoảng 935 điểm tương ứng với MA20, sau đó nhịp tăng dài sẽ tiếp tục trở lại.

CHỈ BÁO NGẮN HẠN		CHỈ BÁO XU HƯỚNG	
RSI	Tích cực	RSI (tuần)	Tích cực
Volume	Tích cực	Bollinger Bands	Trung bình
MA(20)	Tích cực	MA(200)	Trung bình
Ichimoku (tuần)	Tích cực	Elliott ngày	Tích cực
HỖ TRỢ NGẮN HẠN		KHÁNG CỰ NGẮN HẠN	
Hỗ trợ 1: 950 điểm	Hỗ trợ 2: 930 điểm	Kháng cự 1: 960 điểm	Kháng cự 2: 995 điểm
HỖ TRỢ TRONG PHIÊN		KHÁNG CỰ TRONG PHIÊN	
Hỗ trợ	970 điểm	Kháng cự	993 điểm

ĐỒ THỊ VNINDEX THAM KHẢO THÊM



CHỈ SỐ DOW JONES



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thông kê giao dịch trên HOSE

Top NN mua ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
VNM	389,150	57,995,450
MSN	434,130	39,080,529
SSI	1,328,530	37,376,597
HPG	886,740	29,690,614
VRE	662,670	23,311,270

Top NN bán ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
VJC	-482,190	-58,518,200
VHM	-403,620	-38,137,517
DHG	-224,460	-22,447,866
TRA	-293,166	-19,735,077
VIC	-148,950	-17,495,432

Thông kê giao dịch trên HNX

Top NN mua ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
PVS	1,148,580	23,066,120
NRC	2,000	70,099
HMH	5,500	60,500
IDV	1,500	44,400
APS	14,400	44,173

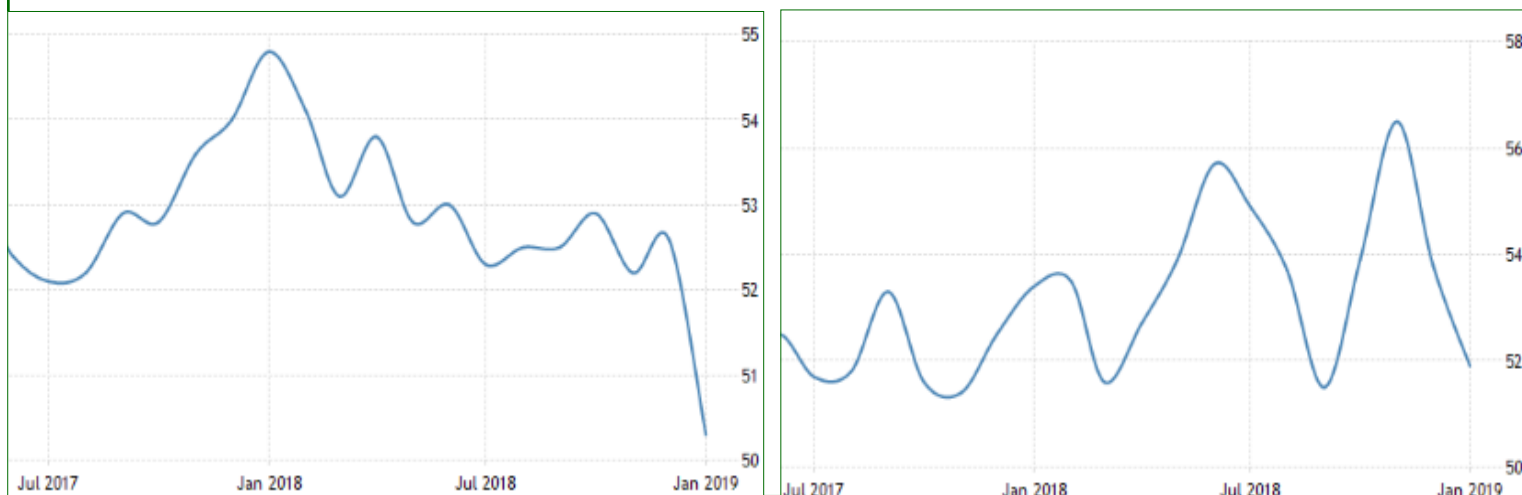
Top NN bán ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
VGC	-430,300	-8,932,328
SHS	-169,300	-2,029,139
CEO	-92,000	-1,225,640
BVS	-45,700	-534,241
INN	-12,500	-373,459

Danh sách cổ phiếu đang khuyến nghị - Chi tiết khuyến nghị tại [đây](#)

Thời gian	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 1	Mã cổ phiếu	Giá tham chiếu	Kháng cự 1	Kháng cự 2
13/2/2019	17,000	18,000	PVS	20,300	20,000	22,500
13/2/2019	80,000	85,000	GAS	99,300	99,000	115,000
13/2/2019	20,500	21,500	GEX	23,650	23,400	25,500
13/2/2019	16,700	17,500	LHG	19,750	20,200	21,500
13/2/2019	28,000	29,000	HPG	33,900	31,400	33,500
13/2/2019	15,000	16,200	PVB	17,100	17,200	19,500
13/2/2019	36,000	38,000	HVN	39,100	43,000	46,000
13/2/2019	40,000	42,000	FPT	45,200	47,000	50,000
13/2/2019	23,000	25,000	DQC	26,550	28,000	30,000
13/2/2019	22,000	23,000	PC1	23,050	25,600	28,000
13/2/2019	45,000	48,000	BMP	49,000	52,500	58,000
13/2/2019	25,000	28,000	DHC	33,800	34,500	37,500
13/2/2019	25,000	26,500	GMD	27,450	28,000	30,000

PMI Nhật Bản (trái) và PMI Việt Nam (phải)

Nếu PMI trên 50, tức là hoạt động sản xuất được mở rộng so với tháng trước. Ngược lại, khi chỉ số dưới mức 50, đó là biểu hiện của sự chững lại trong hoạt động sản xuất. Còn nếu PMI ở mức 50, hoạt động sản xuất không có gì thay đổi.



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Một số thông tin về tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI & FII) và PMI (Purchasing Managers' Index - Chỉ số nhà quản trị mua hàng) của Việt Nam trong tháng 1/2019.

Từ đầu năm đến 20/1/2019, Tổng vốn FDI đăng ký cấp mới và tăng thêm đạt 1,145 triệu USD (+27.3% so với cùng kỳ), giải ngân đạt 1,550 triệu USD (+9.2% so với cùng kỳ). Trong đó, 226 dự án đăng ký cấp mới với số vốn đăng ký đạt 805 triệu USD và 72 dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn với số vốn tăng thêm đạt 340 triệu USD. Ngoài ra, vốn FII dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần vào các công ty tại Việt Nam đạt tổng giá trị góp vốn là gần **762 triệu USD** (+114% so với cùng kỳ).

Cơ cấu thu hút vốn FDI:

- Những quốc gia đầu tư vốn FDI vào Việt Nam nhiều nhất trong tháng 1 là Nhật Bản 353.2 triệu USD, Trung Quốc 233.4 triệu USD và Hàn Quốc là 144 triệu USD.
- Những ngành thu hút vốn FDI nhiều nhất là: Chế biến chế tạo đạt 915.7 triệu USD (chiếm 79.95% tổng vốn FDI đăng ký), cung cấp nước đạt 72.2 triệu USD (chiếm 6.3%) và Vận tải kho bãi đạt mức 65.4 triệu USD (chiếm 5.71%).
- Những địa phương thu hút vốn FDI lớn gồm Tp.Hồ Chí Minh 172 triệu USD (chiếm 15%), Bình Dương 150.6 triệu USD (chiếm 13.1%) và Hải Dương 124.9 triệu USD (chiếm 10.9%).

Tình hình XNK khu vực đầu tư nước ngoài trong Tháng 1/2019: Xuất khẩu (kể cả dầu thô) đạt 13.6 tỷ USD (giảm 5.1% so với cùng kỳ), nhập khẩu 11.8 tỷ USD (giảm 1.3%), qua đó xuất siêu 1.8 tỷ USD. Tuy nhiên, nếu tính chung cả nền kinh tế, trong tháng 1 Việt Nam xuất siêu đạt 0.8 tỷ USD, trong đó nhập khẩu 20.8 tỷ USD (tăng 3.1%) và xuất khẩu 20 tỷ USD (giảm 1.3%).

PMI Tăng trưởng ở mức vừa phải đầu năm:

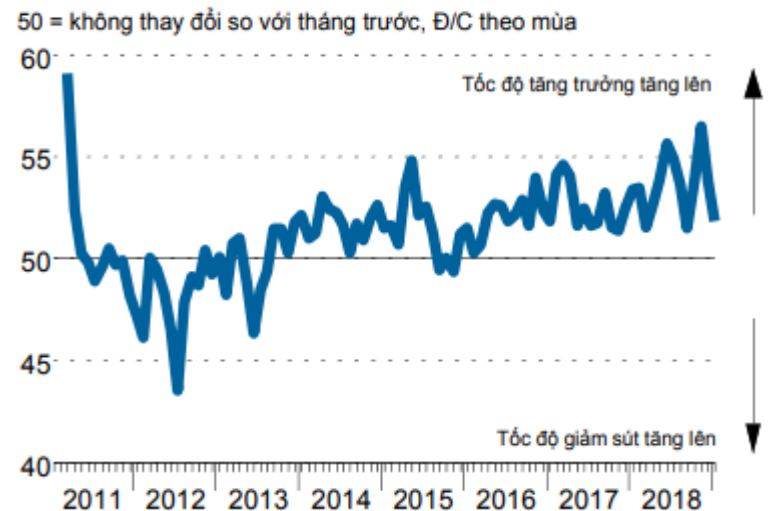
Theo Nikkei, chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (Purchasing Managers' Index - PMI) lĩnh vực sản xuất Việt Nam đạt 51.9 điểm, tăng trưởng ở mức vừa phải trong tháng 1/2019. Cụ thể,

- Tốc độ tăng sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm tiếp tục chậm lại so với mức cao trong tháng 11/2018.
- Chi phí đầu vào tăng nhẹ, trong khi giá cả đầu ra đã giảm lần thứ tư liên tiếp trong năm tháng qua.
- Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều tăng nhẹ trong tháng 1. Tăng trưởng vẫn còn mạnh khi các báo cáo cho thấy nhu cầu khách hàng cải thiện. Sản lượng tăng trong suốt 14 tháng qua, cùng với mức tăng số lượng đơn đặt hàng mới, số lượng đơn hàng xuất khẩu mới tiếp tục tăng nhu với tốc độ yếu hơn tháng 12.

- Áp lực lạm phát tiếp tục mờ nhạt, giá cả đầu vào chỉ tăng nhẹ trong khi các công ty tiếp tục giảm giá cả đầu ra. Giá bán hàng đã giảm suốt bốn trong năm tháng qua.
- Các nhà sản xuất tiếp tục tuyển thêm nhân viên trước tình trạng số lượng đơn đặt hàng mới. Năng lực bổ sung này đã giúp các công ty giải quyết số lượng công việc chưa thực hiện khi tốc độ tăng số lượng đơn hàng mới đã chậm lại, từ đó lượng công việc tồn đọng đã giảm lần đầu tiên trong 3 tháng qua.
- Hàng tồn kho tiếp tục tăng trong tháng 1, tồn kho trước và sau sản xuất đều tăng.
- Thời gian mà các nhà cung cấp dùng để chuyển hàng đã kéo dài thêm lần thứ hai liên tiếp khi nhu cầu hàng hóa đầu vào tiếp tục tăng. Tuy nhiên, thời gian giao hàng chỉ tăng nhẹ, như đã xảy ra trong tháng 12.

Tổng kết: Chỉ số PMI toàn phần lĩnh vực sản xuất Việt Nam của Nikkei đã đạt **51,9** điểm trong tháng 1, giảm từ mức 53,8 của tháng 12 xuống mức thấp nhất kể từ tháng 9 năm ngoái, nhưng đến nay tăng trưởng đã được ghi nhận trong 38 tháng liên tiếp. Các điều kiện, môi trường kinh doanh tiếp tục cải thiện cùng mức độ lạc quan hứa hẹn sẽ tiếp tục đem lại tích cực. Song, những bất ổn về tình hình thương mại toàn cầu có thể sẽ tác động đến tình hình sản xuất của các doanh nghiệp.

PMI Ngành Sản xuất Việt Nam của Nikkei



Nguồn: Nikkei, IHS Markit

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Bất động sản khu công nghiệp - Gặp nhiều thuận lợi.

Nguồn cung dồi dào, nhu cầu lớn:

Đối với các KCN phía Bắc, phân khúc chiếm tỷ trọng lớn là cho thuê với khách hàng là doanh nghiệp FDI lớn như Samsung, LG. Theo JLL, giá cho thuê đất KCN tính đến cuối năm 2018 là khoảng 82USD/m²/thời hạn thuê dưới 50 năm. Dự báo triển vọng các KCN phía Bắc tiếp tục được hưởng lợi khi: (i) Chi phí thuê công nhân vẫn rẻ hơn so với các nước như Trung Quốc, mặt khác Việt Nam sở hữu vị trí địa lý thích hợp khi nằm trong khu vực giao thương với các nền kinh tế lớn, (ii) Chiến tranh thương mại diễn biến ngày càng phức tạp, thúc đẩy các doanh nghiệp chọn Việt Nam như một điểm đến cho việc xây dựng nhà máy, (iii) Nhu cầu mở rộng sản xuất của các tập đoàn lớn Samsung, LG; đặc biệt với sự xuất hiện của Vinfast. Tại khu vực phía Bắc, diện tích đất thương phẩm chưa cho thuê của KBC là 843 ha đất, VGC là 911 ha đất (VGC có các khu công nghiệp dần trải hơn, sẽ gặp khó khăn hơn).

Đối với khu vực miền Nam, các doanh nghiệp thuê đất chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, sản xuất công nghiệp, hóa chất. Theo JLL, nguồn cung KCN tại phía Nam cuối 2018 đón nhận thêm các thị trường BR-VT và Bình Phước, đạt tổng diện tích tại đây là 39 ha, tăng 5.4% so với nửa đầu 2018. Bình Dương và Đồng Nai vẫn là nguồn cung chính khi chiếm 56% tổng nguồn cung. Vào cuối Q4/2018, tỷ lệ lấp đầy trung bình đạt 72%, giảm do nguồn cung mới. Tuy nhiên, tỷ lệ lấp đầy chung vẫn ghi nhận mức tăng 200-600 điểm phần trăm so với nửa đầu năm 2018 cho mỗi tỉnh. Chúng tôi cho rằng, nhu cầu tiếp tục gia tăng một cách mạnh mẽ khi (i) Các doanh nghiệp Trung Quốc, Đài Loan tiếp tục dịch chuyển sản xuất vào Việt Nam, theo JLL các nhà máy xây sẵn đạt tỷ lệ lấp đầy 88%, (ii) Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tiếp tục tác động khi các doanh nghiệp Trung Quốc dịch chuyển sản xuất vào VN, từ đó gia tăng mạnh mẽ nhu cầu các nhà máy xây sẵn với các tiêu chuẩn kỹ thuật cao, (iii) Theo JLL, khoảng 9793 ha đất dự kiến sẽ gia nhập thị trường trong 3 năm tới, miền Nam hứa hẹn sẽ là điểm đến cho các nhà đầu tư khu công nghiệp. Một số doanh nghiệp gồm: LHG có KCN Long Hậu 3 vị trí thuận lợi có khả năng cho thuê với 90 ha, NTC với KCN Nam Tân Uyên 3 bắt đầu thi công hạ tầng vào cuối Q2/2019 với diện tích cho thuê 255 ha.

Nguồn cung	TP.HCM	Đồng Nai	Bình Dương	BR-VT	Tây Ninh	Bình Phước
Tổng diện tích (ha)	4,206	9,813	10,774	7,953	2,992	3,298
Diện tích đất cho thuê (ha)	2,802	6,835	7,144	4,908	2,158	2,272
Tỷ lệ lấp đầy (%)	79%	87%	94%	62%	73%	36%

Nguồn: Jones Lang LaSalle Vietnam (JLL), DAS tổng hợp.

Giá thuê tăng:

- Giá cho thuê đất **tăng mạnh**, ở mức trung bình 80USD/m²/chu kỳ thuê, tăng 10.7% so với Q2/2018.
- Giá thuê nhà xưởng xây sẵn **tăng nhẹ**, giá thuê trung bình ở mức 2-5 USD/m²/tháng tính đến Q4/2018.
- Giá thuê đất ở Tp.HCM trung bình 156.8 USD/m²/chu kỳ thuê, trong khi các tỉnh khác 4 - 6 USD/m²/chu kỳ thuê.

Dự báo nhu cầu thuê đất/nhà xưởng tiếp tục tăng khi làn sóng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc, Đài Loan sẽ thúc đẩy giá thuê tiếp tục tăng trong thời gian tới. Số lượng nhà kho/nhà xưởng cũng sẽ tăng mạnh mẽ hơn với các tiêu chuẩn kỹ thuật mới nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cao của các doanh nghiệp.

Hiệu suất tài sản	TP.HCM	Đồng Nai	Bình Dương	BR-VT	Tây Ninh	Bình Phước
Giá thuê đất trung bình (USD/m ² /chu kỳ thuê)*	156.8	85.5	73.6	60.8	53.6	51.6
Giá thuê nhà xưởng trung bình (USD/m ² /tháng)	3.6	4.5	3.8	3.5	2.7	2.2

Nguồn: Jones Lang LaSalle Vietnam (JLL), DAS tổng hợp.

*Phí sử dụng hạ tầng và phí dịch vụ (không gồm thuế VAT) chưa bao gồm trong giá thuê trung bình.

Rủi ro:

- Dòng vốn FDI có thể chững lại trước những bất ổn, cũng như nhu cầu chậm lại của thế giới.
- Những thay đổi các chính sách, khó khăn trong triển khai xây dựng như chi phí đền bù tăng cao hay giải phóng mặt bằng khó khăn sẽ dẫn đến trì hoãn việc cho thuê.

CHUYÊN MỤC CHIA SẺ KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN

Monthly Return of VNINDEX														
Year	T12	T11	T10	T9	T8	T7	T6	T5	T4	T3	T2	T1	Return year	
2000	22.6%	19.8%	16.7%	4.8%	13.4%								77.3%	
2001	-18.4%	10.8%	6.5%	-11.9%	-34.3%	-15.6%	23.8%	25.9%	19.2%	6.7%	2.7%	18.8%	34.3%	
2002	3.1%	0.1%	-2.5%	-5.0%	-3.0%	-2.2%	-2.4%	-0.7%	4.2%	4.7%	-7.9%	-11.8%	-23.4%	
2003	1.9%	20.3%	-2.2%	-2.4%	-2.5%	-3.9%	0.0%	-0.2%	4.9%	-11.7%	-4.5%	-6.0%	-6.2%	
2004	4.2%	-1.3%	-0.3%	0.3%	-2.5%	-4.5%	-0.9%	-4.7%	-4.7%	6.5%	21.6%	28.4%	42.1%	
2005	-1.2%	1.3%	6.2%	13.7%	3.7%	-0.5%	1.1%	-0.8%	-0.1%	4.9%	0.8%	-2.5%	26.4%	
2006	18.8%	23.8%	-2.9%	7.2%	16.3%	-18.1%	-4.3%	-9.5%	18.3%	28.9%	25.1%	1.6%	105.0%	
2007	-4.7%	-8.7%	1.7%	15.2%	0.0%	-11.4%	-5.3%	17.1%	-13.8%	-5.8%	9.3%	38.5%	32.3%	
2008	0.3%	-9.3%	-24.0%	-15.3%	19.4%	13.0%	-3.5%	-20.7%	1.1%	-22.1%	-21.4%	-8.9%	-91.5%	
2009	-1.9%	-14.1%	1.1%	6.2%	17.1%	4.1%	8.9%	28.0%	14.6%	14.2%	-19.0%	-3.9%	55.4%	
2010	7.3%	-0.2%	-0.4%	-0.1%	-7.9%	-2.6%	-0.1%	-6.4%	8.6%	0.5%	3.1%	-2.6%	-0.8%	
2011	-7.7%	-9.5%	-1.6%	0.7%	4.7%	-6.2%	2.7%	-12.2%	4.1%	-0.1%	-9.6%	5.4%	-29.4%	
2012	9.5%	-2.7%	-1.1%	-0.9%	-4.5%	-1.9%	-1.6%	-9.4%	7.4%	4.1%	9.2%	10.4%	18.6%	
2013	-0.6%	2.1%	1.0%	4.2%	-3.9%	2.2%	-7.2%	9.2%	-3.4%	3.5%	-1.1%	16.0%	22.0%	
2014	-3.7%	-5.7%	0.3%	-5.9%	6.8%	3.1%	2.9%	-2.8%	-2.3%	0.9%	5.4%	10.3%	9.2%	
2015	1.0%	-5.6%	8.0%	-0.4%	-9.1%	4.7%	4.1%	1.3%	2.0%	-7.0%	2.9%	5.6%	7.5%	
2016	0.0%	-1.6%	-1.4%	1.6%	3.4%	3.2%	2.2%	3.4%	6.6%	0.3%	2.6%	-5.8%	14.5%	
2017	3.6%	13.5%	4.1%	2.8%	-0.1%	0.9%	5.2%	2.8%	-0.6%	1.6%	1.9%	4.9%	40.6%	
2018	-3.7%	1.3%	-10.1%	2.8%	3.5%	-0.5%	-1.1%	-7.5%	-10.6%	4.7%	1.0%	12.8%	-7.3%	
2019	-1.0%												-1.0%	
Average monthly	1.5%	1.8%	0.0%	0.9%	1.1%	-2.0%	1.4%	0.7%	3.1%	1.9%	1.2%	6.2%	17.7%	

Mức tăng trung bình trong tháng 1 hàng năm kể từ năm 2012-2018 đạt 6.2%

Volume Volatility												
Year	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
2000								492.6%	24.5%	-3.7%	30.3%	3.9%
2001	21.0%	40.7%	8.3%	1.0%	-37.0%	110.7%	-12.7%	0.4%	7.6%	8.8%	-44.3%	2.1%
2002	41.5%	21.9%	9.2%	-7.7%	32.8%	-54.0%	56.4%	-22.3%	-12.2%	-6.3%	-9.8%	8.1%
2003	-37.1%	35.6%	-2.0%	49.3%	-5.7%	-12.4%	3.6%	40.9%	-10.4%	110.4%	-19.4%	111.5%
2004	-20.6%	148.7%	1.2%	-14.9%	8.3%	-23.4%	-24.1%	80.7%	6.9%	-17.9%	35.8%	-24.0%
2005	-9.5%	-32.2%	113.4%	-35.0%	-28.5%	71.0%	6.6%	-8.3%	129.2%	19.7%	-29.8%	-25.1%
2006	-6.9%	32.3%	14.1%	33.6%	76.3%	-36.4%	-1.3%	58.6%	10.4%	-4.3%	33.2%	27.4%
2007	25.9%	5.7%	13.8%	-42.9%	20.0%	0.1%	-21.4%	-1.4%	64.3%	39.6%	-18.5%	-31.5%
2008	22.9%	31.9%	6.8%	-38.7%	-61.3%	160.4%	76.0%	41.0%	-1.1%	-27.9%	-5.2%	-27.3%
2009	-27.2%	8.7%	119.0%	102.4%	38.9%	4.7%	-37.5%	65.2%	27.5%	15.0%	-36.0%	-20.7%
2010	3.6%	-42.2%	97.1%	16.0%	6.3%	-24.2%	-10.6%	-7.3%	12.9%	-34.2%	3.7%	120.7%
2011	-49.0%	5.6%	-11.8%	-34.6%	13.8%	32.1%	-46.8%	49.6%	88.9%	-44.5%	-7.7%	15.2%
2012	-23.3%	128.2%	76.6%	1.4%	-0.7%	-40.6%	-24.4%	1.6%	-13.6%	-7.2%	-19.9%	82.9%
2013	80.2%	-7.9%	-36.6%	-0.8%	24.4%	11.0%	-41.7%	11.2%	4.1%	53.1%	38.5%	-5.6%
2014	-0.4%	73.8%	11.7%	-40.3%	0.8%	-18.7%	21.4%	14.7%	38.1%	-16.3%	-2.5%	-19.0%
2015	-2.8%	-24.3%	24.6%	-16.0%	25.1%	35.1%	-3.9%	-10.7%	-28.2%	29.6%	16.5%	-25.4%
2016	30.5%	-10.5%	24.9%	-10.7%	-13.4%	13.6%	5.9%	-14.4%	-0.9%	5.8%	-5.9%	-2.6%
2017	-14.5%	86.3%	9.6%	-9.0%	28.6%	-13.7%	7.2%	-0.3%	-26.1%	2.4%	23.8%	0.0%
2018	53.9%	-27.1%	0.9%	-9.2%	-29.1%	2.9%	11.6%	5.7%	11.1%	-6.1%	-25.1%	9.6%
2019	-21.1%											

Nhìn chung tháng 12 và tháng 1 hàng năm khối lượng giao dịch thường giảm hoặc ít biến động.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (gọi tắt là DAS) là thành viên của Tập đoàn tài chính Ngân hàng Đông Á, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. DAS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. DAS hiện là cổ đông lớn của nhiều công ty, và là chủ sở hữu của Công ty quản lý Quỹ đầu tư Đông Á. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Bảo lãnh phát hành, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

Hệ thống chi nhánh

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 2 & 3 Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP. HCM

Điện thoại: (8428) 3833 6333

Fax: (028) 3833 3891

- **Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3821 8666

Fax: (028) 3821.4891

- **Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175

Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của DAS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được DAS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, DAS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi DAS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của DAS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.